TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2024/DS-PT
Ngày: 19/3/2024
V/v: V/v tranh chấp hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Bình**.

Các Thẩm phán: bà **Phạm Ngọc Giàu**; bà **Trần Thị Kim Sang**.

2. ***Thư ký phiên tòa***: ông **Thái Công Hậu** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:

Ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 508/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán". Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 120/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2024/QĐXXPT-DS, ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Lê Phú T **(Tiền)**, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Phú T: bà Phạm Thị Thúy A, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 9 năm 2023); có mặt.

- *Bị đơn:*

+ Ông Phạm Công D **(**C1**)**, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp S, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Bà Đỗ Ngọc D1, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp S, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* ông Lê Phú T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Lê Phú T *trình bày:*

Từ năm 2018, ông và vợ chồng ông Phạm Công D, bà Đỗ Ngọc D1 bắt đầu mua bán dê với nhau. Sau nhiều lần mua bán, ông cho ông D, bà D1 khi mua trả trước ½ số tiền, còn lại khi ông D, bà D1 về đến Tây Ninh thì chuyển khoản.

Đến tháng 09/2019, ông D, bà D1 đề nghị không trả trước nữa mà sau khi bắt dê xong về đến Tây Ninh thì chuyển tiền hết 01 lần cho ông. Ông D, bà D1 mua được vài chuyến thì đến ngày 20/10/2019, ông D, bà D1 mua dê với số tiền là 02 tấn x 135.000đ/kg = 270.000.000 đồng. Sau khi bắt xong, ông D, bà D1 cũng hứa về đến Tây Ninh thì chuyển khoản nhưng sau đó không thực hiện. Cách nay gần ba năm, ông có đến nhà đòi tiền nhiều lần mà ông D và bà D1 không trả.

Nay ông có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Công D, bà Đỗ Ngọc D1 trả cho ông số tiền là 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn – ông Phạm Công D *trình bày:*

Ông, bà D1 và ông T làm ăn với nhau rất nhiều năm và giao dê rất nhiều lần, những lần trước đã cấn trừ xong. Ông D thừa nhận ông và bà D1 có nợ ông T số tiền mua dê vào năm 2019 là 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng, ông không nhớ tháng, ông và bà D1 chỉ nợ duy nhất số tiền này. Sau đó, bà D1 và ông D đem dê xuống giao cho ông T được 02 lần có cấn trừ nợ, cụ thể như sau:

+ Lần 1, vợ ông là bà D1 giao 100 con dê trị giá 240.000.000 đồng, ông không nhớ rõ ngày tháng, ông Tân trừ tiền nợ 50.000.000 đồng, số tiền còn lại ông T đã trả đủ cho ông.

+ Lần 2, ông D là người trực tiếp đi giao cho ông T 80 con dê trị giá khoảng 160.000.000 đồng. Ông Tân cấn trừ số tiền này.

Như vậy, ông chỉ còn nợ ông T số tiền 60.000.000 đồng. Ông cùng bà D1 đồng ý trả cho ông T số tiền còn nợ ông T là 60.000.000 đồng.

Theo các lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn – bà Đỗ Ngọc D1 *trình bày:*

Trước đây, vợ chồng bà có mua bán dê với ông T rất nhiều lần, nhưng vợ chồng bà chỉ nợ ông T số tiền 51.000.000 đồng, năm nào bà không nhớ rõ, sau đó bà có chuyển khoản số tiền 51.000.000 đồng này qua số tài khoản ông T. Sau đó, giữa bà D1 và ông T vẫn làm ăn hơn cả năm nữa, hiện tại bà chỉ nợ ông T số tiền 9.000.000 đồng. Ngoài ra, ông D, bà và ông T làm ăn nhiều năm nên tiền bạc giữa ông D và ông Tân t tính toán và chốt với nhau, bà không rõ. Bà có giao dê con cho ông T 01 lần duy nhất, thời gian không nhớ chính xác nhưng trước ngày 01/11/2019, không nhớ bao nhiêu con dê và giá như thế nào. Ông T khấu trừ số tiền 50.000.000 đồng. Việc ông D nợ số tiền 270.000.000 đồng này bà

không biết và ông T cũng không nói cho bà biết. Bà D1 không đồng ý trả cho ông T số tiền 270.000.000 đồng.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 120/2023/DS-ST ngày 9 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ vào các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào các Điều 37, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phú T (Tiền) đối với ông Phạm Công D (Chol) và bà Đỗ Ngọc D1 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Buộc ông Phạm Công D (C) và bà Đỗ Ngọc D1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Phú T (Tiền) số tiền nợ 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. (Trong đó ông D phải trả cho ông T số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Bà D1 phải trả cho ông T số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.)

Ghi nhận ông Lê Phú T không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Phú T (Tiền) đối với ông Phạm Công D (Chol), bà Đỗ Ngọc D1, về việc yêu cầu trả số tiền 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2023, nguyên đơn ông Lê Phú T có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông T.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- ***Về tố tụng***: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- ***Về nội dung***: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của ông Lê Phú T làm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm phù hợp với quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Phú T***, thấy rằng:***

Ông T và ông D và bà D1 có mua bán dê với nhau từ năm 2018 và chốt nợ ngày 20/10/2019; chứng cứ là các tin nhắn đòi nợ bà D1 có hứa chờ ông D bán đất trả nhưng không xác nhận số tiền nợ là bao nhiêu. Ông D thừa nhận có nợ ông T số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Xét thấy, hai bên đương sự có giao dịch mua bán với nhau, việc mua bán không có làm giấy, bên ông T bán dê thịt cho ông D, bà D1. Còn ông D, bà D1 có bán dê con cho ông T để cấn trừ nợ, chỉ còn thiếu nợ ông T 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Ông T yêu cầu trả 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng, nhưng không có chứng cứ chứng minh cho việc ông D, bà D1 nợ số tiền trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T đối với ông D, bà D1 có cơ sở chấp nhận một phần, số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Từ những chứng cứ nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm đã buộc ông D bà D1 có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 60.000.000 đồng là có căn cứ.

Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Ông T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Phú T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 120/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 26, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; các điều 37, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phú T (Tiền) đối với ông Phạm Công D (Chol) và bà Đỗ Ngọc D1 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

2. Buộc ông Phạm Công D (C) và bà Đỗ Ngọc D1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Phú T (Tiền) số tiền nợ 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Trong đó, ông D phải trả cho ông T số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, bà D1 phải trả cho ông T số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.)

3. Ghi nhận ông Lê Phú T không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Phú T (Tiền) đối với ông Phạm Công D (Chol), bà Đỗ Ngọc D1, về việc yêu cầu trả số tiền 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng.

5. Án phí sơ thẩm dân sự:

Ông Phạm Công D (C1) phải chịu 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đỗ Ngọc D1 phải chịu 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Phú T (T1) phải chịu 10.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông T đã nộp 6.750.000 (sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027040, ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Ông T phải chịu thêm số tiền 3.750.000 (ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Phú T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí phúc thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo Biên lai thu số 0027630 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông T đã nộp xong.

7. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cụcTHADS thị xãTrảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: hồ sơ, lưu trữ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bình